

CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN VÀ NÔNG THÔN VIỆT NAM, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Đào Lan Phương¹

TÓM TẮT

Khu vực nông thôn đóng vai trò hết sức quan trọng đối với quá trình phát triển của Việt Nam. Nước ta hiện nay có trên 60% lao động làm nông nghiệp, 70% dân số sống ở vùng nông thôn. Vì vậy, giải quyết tốt vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ("tam nông") là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn dân và đòi hỏi phải sử dụng đồng bộ nhiều chính sách và giải pháp có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều địa phương, trong đó vấn đề tài chính cho "tam nông" giữ vị trí quan trọng. Chính sách tài chính đóng vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển của "Tam nông" được thể hiện thông qua các chính sách thuế, tín dụng, bảo hiểm và hỗ trợ tài chính... Các chính sách này có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất và tác động qua lại lẫn nhau cùng thúc đẩy "Tam nông". Tác giả đã đi sâu nghiên cứu một số chính sách tài chính quan trọng được ban hành thời gian qua ở Việt Nam để thấy được thực trạng và qua đó đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện một số chính sách tài chính điển hình tạo sức bật cho "tam nông".

Từ khóa: *Chính sách tài chính, Nông nghiệp, Nông thôn, Nông dân, "Tam nông".*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở hầu hết các quốc gia đang phát triển trên thế giới, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong cung cấp đảm bảo an ninh lương thực cho người dân, tạo sự ổn định, làm động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Đối với Việt Nam, vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ("tam nông") có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, làm nền tảng cho CNH - HĐH đất nước, là cơ sở để phát triển kinh tế bền vững, ổn định chính trị xã hội và giữ vững an ninh, quốc phòng.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng những vấn đề liên quan đến "tam nông". Nghị quyết 26/NQ - TW ngày 05/8/2008 về "Nông nghiệp, nông dân và nông thôn" đã xác định: "Nông nghiệp, nông dân và nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo

an ninh quốc phòng; Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội". Các chính sách phát triển "tam nông" trong đó có chính sách tài chính luôn được đặt lên hàng đầu và có sự điều chỉnh cho phù hợp trong mỗi thời kỳ. Thời gian qua, có nhiều chính sách tài chính được triển khai một cách đồng bộ đã góp phần giải quyết vấn đề nguồn lực đầu tư tài chính cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển nông nghiệp hiện đại; xây dựng kết cấu hạ tầng KT - XH nông thôn; đảm bảo tài chính cho việc phát triển khoa học - công nghệ trong nông nghiệp; đào tạo nghề nghiệp và nâng cao trình độ cho nông dân; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn và nông dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, giữa nông thôn và thành thị. Bên cạnh những thành tựu trên thì trong quá trình thực thi chính sách cũng đã tồn tại những bất cập không nhỏ.

Vì vậy, để những chính sách tài chính đó thực sự đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả, đạt được yêu cầu, mục tiêu phát triển của ngành NN&PTNT thì chính sách cần phải được đánh giá hiệu quả và đưa ra những định

¹ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp

hướng hoàn thiện trong thời gian tới. Nghiên cứu của tác giả sẽ đi sâu phân tích đánh giá thực trạng từ đó đưa ra một số định hướng hoàn thiện một số chính sách tài chính điền hình tạo sức bật cho phát triển "tam nông" ở Việt Nam trong thời gian qua.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Nội dung nghiên cứu

- Thực trạng hệ thống chính sách tài chính đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam

- Những tác động tích cực của chính sách tài chính đối với sự phát triển của nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam

- Những tồn tại và hạn chế của chính sách tài chính đối với sự phát triển của nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam

- Một số giải pháp tài chính thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập số liệu: Tài liệu, số liệu được sử dụng trong bài viết này chủ yếu được kế thừa và tổng hợp từ các nghiên cứu đã được công bố trên sách, báo, tạp chí và các trang thông tin điện tử chính thức của các bộ, ngành liên quan.

- Phương pháp phân tích, xử lý số liệu: Số liệu trong bài báo được xử lý bằng các phần mềm Exel, Stata... Bài báo cũng được tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính và nông nghiệp, nông thôn.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng hệ thống chính sách tài chính đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam

1.1. Nhóm các chính sách về thuế, phí đối với "tam nông"

Chính sách thuế có thể tác động trực tiếp

hay gián tiếp, thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển của "tam nông" là tùy thuộc vào quan điểm sử dụng chính sách của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử và tùy thuộc vào tính khoa học, sự phù hợp của chính sách cũng như quá trình tổ chức thực thi. Mặc dù chính sách thuế của chúng ta đã sử đổi nhiều lần, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn nhưng đến năm 2008 với sự ra đời của Nghị quyết 26-NQ/TW thì chính sách thuế đối với "tam nông" mới thành một thể thống nhất. Song trong suốt gần 70 năm qua, chính sách thuế đối với "tam nông" vẫn theo một quan điểm xuyên suốt là tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp; điều tiết thu nhập một cách công bằng, giảm bớt gánh nặng thuế cho nông dân nghèo, nhất là ở những vùng đặc biệt khó khăn.

- Về thuế sử dụng đất nông nghiệp: Chính phủ đã ban hành Nghị định 129/2003/NĐ-CP ngày 03/11/2003 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp; Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trong đó có miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp. Đặc biệt, ngày 23/3/2011, Chính phủ ban hành Nghị định 20/2011/NĐ-CP về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn 2011- 2020. Trong đó, quy định các đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, được giảm 50% số thuế... Bằng việc miễn thuế này, mỗi năm nông dân và khu vực nông nghiệp được gia tăng thu nhập khoảng gần 2.000 tỷ đồng theo giá năm 1999.

- Về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (thuế đất): Miễn thuế cho các đối tượng sau: Đất ở trong hạn mức địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Đất ở trong hạn mức của hộ nghèo theo quy định của Chính phủ. Giảm 50% số thuế phải nộp đối với đất ở trong hạn mức tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng

thuế suất ưu đãi về thuế suất và miễn thuế, giảm thuế có thời hạn cho dự án đầu tư vào địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Miễn thuế, giảm thuế có thời hạn cho dự án đầu tư vào kết cấu hạ tầng đặc biệt quan trọng. Miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã; miễn thuế đối với thu nhập từ dịch vụ kỹ thuật phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

- Về thuế thu nhập cá nhân: Miễn thuế cho phần thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ sơ chế thông thường. Miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất.

- Về thuế giá trị gia tăng: Mặc dù có điều chỉnh giảm đối tượng không chịu thuế và thay đổi thuế suất, song các mặt hàng rất thiết yếu là sản phẩm nông nghiệp vẫn quy định không chịu thuế, các mặt hàng thiết yếu vẫn áp dụng thuế suất thấp 5%

- Về các loại phí: Miễn giảm thủy lợi phí là một "cú hích" quan trọng đối với "tam nông". Thủy lợi phí được miễn cho các hộ gia đình, cá nhân có đất, mặt nước dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối trong hạn mức và diện tích đất 5% công ích do địa phương quản lý mà hộ gia đình, cá nhân được giao hoặc đấu thầu chuyển quyền sử dụng từ 01/01/2008.

Nhìn chung, trong những năm gần đây, chính sách thuế, phí đối với "tam nông" đã tạo động lực thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn kinh tế xã hội khó khăn để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và tạo công ăn việc làm cho nông dân; ưu đãi đầu tư vào kết cấu hạ tầng nông thôn; ưu đãi để thúc đẩy "dồn điền, đổi thửa" từng bước phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn.

1.2. Nhiều chính sách tín dụng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân luôn được triển khai thực hiện đồng bộ trong cả nước

a. Nhóm các chính sách tín dụng thương mại đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Chính sách tín dụng là một trong những công cụ quan trọng được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm để phát triển nông nghiệp, nông thôn đối với một nước nông nghiệp truyền thống như nước ta. Với sự ra đời của Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, tín dụng nông nghiệp nông thôn đã đạt được một số kết quả. Dòng vốn tín dụng ngân hàng chảy vào khu vực nông nghiệp, nông thôn đã được khơi thông, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, góp phần xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân... Tuy nhiên, quá trình triển khai Quyết định bộc lộ một số bất cập, cần thiết phải được sửa đổi, bổ sung và nâng lên thành Nghị định cho phù hợp với tình hình đất nước sau 10 năm phát triển.

Ngày 12/4/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, thay thế Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg. Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 14/2010/TT-NHNN ngày 14/6/2010 hướng dẫn đầy đủ, chi tiết các điểm mới của Nghị định 41/2010/NĐ-CP so với Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg.

Nghị định 41/2010/NĐ-CP quy định cụ thể các đối tượng được vay vốn phát triển nông nghiệp, nông thôn. Mặt khác, Nghị định trên cũng cho phép các tổ chức tín dụng được cho vay không có tài sản đảm bảo tối đa đến 50 triệu đồng đối với cá nhân, hộ sản xuất; tối đa đến 200 triệu đồng đối với hộ kinh doanh, sản xuất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; tối đa

đến 500 triệu đồng đối với hợp tác xã, chủ trang trại. Trong trường hợp có thiên tai, dịch bệnh trên diện rộng, tổ chức tín dụng được thực hiện khoan nợ không tính lãi cho người vay tối đa là 2 năm đối với dư nợ hiện còn tại thời điểm khoan nợ và số lãi tổ chức tín dụng đã khoan được giảm trừ vào lợi nhuận trước thuế của tổ chức tín dụng.

Có thể thấy rằng bên cạnh việc tạo ra một hành lang pháp lý hoàn thiện hơn, Nghị định 41/2010/NĐ-CP đã tạo nhiều ưu đãi giúp khu vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn vốn tín dụng ngân hàng, được bảo đảm bởi các chính sách hỗ trợ khi gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, đồng thời, tạo điều kiện cho sự phát triển, tăng trưởng mạnh mẽ tín dụng ngân hàng cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

b. Nhóm các chính sách tín dụng hỗ trợ nông dân sản xuất kinh doanh

Bên cạnh việc triển khai Nghị định 41/2010/NĐ-CP thì các chính sách tín dụng hỗ trợ người nông dân trong hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục được triển khai. Điển hình là một số chính sách sau:

- Hỗ trợ lãi suất, vốn mua máy móc thiết bị: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 497/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 (và các Quyết định sửa đổi) về hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 02/2010/TT-NHNN ngày 22/01/2010 quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng trong năm 2010.

- Chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch: Do thiếu vốn để đầu tư máy móc, thiết bị, kho bãi để thực hiện tốt việc bảo quản nông sản sau thu hoạch nên tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp còn cao 12 - 13%. Để giảm thiểu những tổn thất trên, Thủ tướng

Chính phủ đã ban hành Quyết định 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản và Quyết định 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 sửa đổi, bổ sung Quyết định 63; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 65/2011/TT-BTC ngày 16/5/2011 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản; Ngân hàng Nhà nước cũng có Thông tư 03/2011/TT-NHNN ngày 08/3/2011, Thông tư 22/2012/TT-NHNN ngày 22/6/2012 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm thiệt hại sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản... với mục tiêu đề ra đến năm 2020 giảm được tối thiểu 50% tổn thất đối với nông sản, thủy sản so với hiện nay. Đây là một chính sách đúng đắn và hợp lòng dân, rất cần thiết đối với nền nông nghiệp nước ta.

c. Nhóm các chính sách tín dụng hỗ trợ cho mục tiêu an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới

Kết quả từ cuộc điều tra mức sống hộ gia đình mới nhất năm 2010 cho thấy tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn là 17,4%. Vì vậy, chính sách tín dụng xóa đói, giảm nghèo là cần thiết để nâng cao mức sống người nông dân.

Trong những năm qua, nhiều chính sách tín dụng đã được hình thành để thực hiện công tác an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới trên toàn quốc như chính sách tín dụng cho các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội theo tinh thần Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ; Chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ cận nghèo được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ. Theo đó, giảm 15% lãi suất cho vay khu vực II miền núi, giảm 30% lãi suất cho vay khu vực III miền núi, hải đảo, vùng đồng bào khơ me

tập trung và các xã đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 135, giảm lãi suất cho vay 20% đối với thương nhân vay vốn để dự trữ, bán lẻ các mặt hàng thiết yếu, thu mua hàng nông, lâm sản ở khu vực II, III miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc.

1.3. Chính sách bảo hiểm nông nghiệp đã được triển khai thực hiện thí điểm ở một số địa phương trên một số cây trồng, vật nuôi điển hình

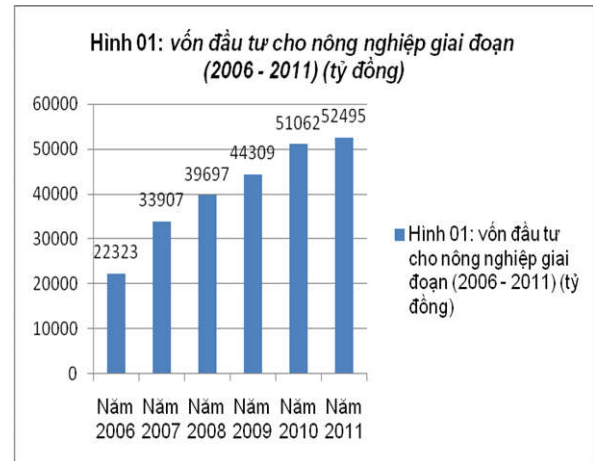
Hiện nay, giá trị sản xuất nông nghiệp ở nước ta chiếm khoảng trên 20% GDP nhưng do vị trí địa lý đặc thù cùng với cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế nên sản xuất nông nghiệp ở nước ta vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh. Thời gian qua, một số doanh nghiệp như Bảo Việt, Bảo Minh cũng đã triển khai một số nghiệp vụ bảo hiểm trên một số loại cây trồng, vật nuôi nhưng do nhiều nguyên nhân như số người tham gia bảo hiểm ít, phí bảo hiểm cao, tổn thất phải bồi thường lớn. Mặt khác, lại không nhận được sự hỗ trợ của nhà nước nên hoạt động bảo hiểm trong nông nghiệp chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Để giúp người nông dân hạn chế được những tổn thất khi rủi ro xảy ra đối với hoạt động nông nghiệp Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 121/2011/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 1/10/2011 hướng dẫn Quyết định 315/QĐ-TTg ngày 01/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Nhà nước hỗ trợ 100% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân nghèo sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ 80% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân cận nghèo sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ 60% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân không thuộc diện nghèo, cận nghèo sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ 20% phí bảo hiểm cho tổ chức sản xuất nông nghiệp.

2. Những tác động tích cực của chính sách tài chính đối với sự phát triển của nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam

Với các chính sách tài chính đối với phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn được triển khai mạnh mẽ và đồng bộ trong thời gian qua đã đem lại những thành quả đáng kể góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển "tam nông" được thể hiện trên các mặt sau:

Tổng vốn đầu tư dành cho "tam nông" tăng lên đáng kể: Cụ thể vốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp đã tăng liên tục từ 22.323 tỷ đồng năm 2006 lên đến khoảng 52.495 tỷ đồng năm 2011.



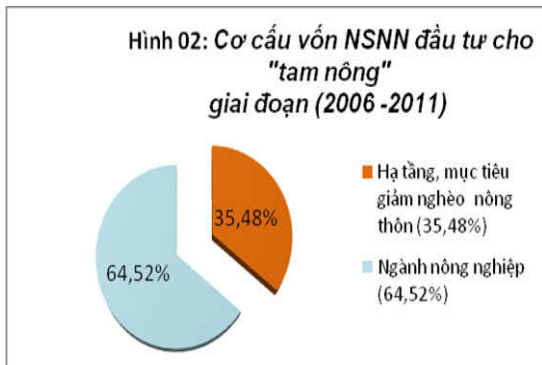
Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2009, 2010, 2011-NXB Thống kê

Vốn đầu tư toàn xã hội dành cho lĩnh vực nông nghiệp tăng lên thể hiện chính sách tài chính thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp phần nào đã phát huy tác dụng. Có được điều này, bên cạnh những chính sách tài chính kịp thời thì không thể phủ nhận vai trò định hướng cũng như sự dẫn đầu của khu vực kinh tế Nhà nước trong việc đẩy mạnh đầu tư vào nông nghiệp. Số vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước vào nông nghiệp liên tục tăng trong giai đoạn 2006 - 2011 từ 11.939 tỷ đồng năm 2006 đến 19.127 tỷ đồng năm 2011.

Bảng 01: Vốn đầu tư khu vực kinh tế nhà nước giai đoạn (2006 - 2011)

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Nông nghiệp (tỷ đồng)	11.939	13.355	15.060	16.858	18.534	19.127
Tổng số vốn đầu tư (tỷ đồng)	185.102	197.989	209.031	287.534	316.285	341.555
Tỷ trọng VĐT vào nông nghiệp so với tổng số (%)	6,45	6,75	7,20	5,86	5,86	5,60

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2009, 2010, 2011-NXB Thống kê và tính toán của tác giả



Nguồn: Báo cáo của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 5/6/2012

Theo báo cáo của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 5/6/2012 tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII, trong giai đoạn 2006 – 2011, tổng vốn đầu tư cho "tam nông" từ nguồn ngân sách nhà nước và TPCP là 432.788 tỷ đồng bằng 49,67% tổng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN và TPCP. Trong đó, đầu tư cho các ngành nông, lâm, ngư nghiệp là 153.548 tỷ đồng (35,48%); phát triển hạ tầng xã hội mục tiêu giảm nghèo ở nông thôn 279.240 tỷ đồng (64,52%). Trong 3 năm 2006 – 2008, tổng vốn đầu tư cho lĩnh vực này là 146.575 tỷ đồng (45,24%). Sau khi có nghị quyết Ban chấp hành TW7, mức đầu tư cho "tam nông" đã tăng mạnh, 2009 – 2011 tổng vốn 286.212 tỷ đồng

(52,3%), gấp 1,95 so với vốn đầu tư cho giai đoạn 2006 – 2008.

Do có sự chú trọng đầu tư kịp thời cho "tam nông", nông thôn từng bước được đổi mới và phát triển, đời sống của cư dân nông thôn tiếp tục được cải thiện, hạ tầng nông nghiệp nông thôn tiếp tục được nâng cấp và từng bước hiện đại hóa. Theo tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp bình quân giai đoạn 2006 - 2010 đạt 3,36%/ năm, vượt mức mục tiêu 3 - 3,2%/năm của Đại hội Đảng X đề ra và kế hoạch 5 năm của ngành. Giá trị sản xuất toàn ngành bình quân tăng 4,93%/năm (mục tiêu kế hoạch là 4,5%) trong giai đoạn 2006 - 2010. Giá trị sản xuất khu vực nông nghiệp tăng liên tục trong giai đoạn 2006 - 2011 thể hiện quy mô sản xuất ngành nông nghiệp không ngừng được mở rộng, giá trị sản xuất toàn ngành không ngừng được gia tăng đặc biệt năm 2011 mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng ngành nông nghiệp vẫn có bước tăng trưởng đáng khích lệ với mức tăng trưởng bình GDP bình quân trên 5,5% và 6 tháng đầu năm 2012 là trên 4%.

Bảng 02: Giá trị sản xuất khu vực nông nghiệp theo giá thực tế qua các năm giai đoạn (2006 -2011)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
I. Khu vực nông nghiệp						
1. Nông nghiệp	197.700,7	236.750,4	377.238,6	430.221,6	540.162,80	779.288,8
2. Lâm nghiệp	10.331,4	12.108,3	14.369,8	16.105,8	18.714,7	20.130
3. Thủy sản	74.338,9	89.694,3	110.510,4	122.666,0	153.169,9	206.446,8
Tổng cộng	282.371,0	338.553,0	502.118,8	568.993,4	712.047,4	1.005.865,6
II. Ngành nông nghiệp						
1. Trồng trọt	145.807,7	175.007	269.337,6	306.648,4	396.733,6	562.102,8
2. Chăn nuôi	48.333,1	57.618,4	102.200,9	116.576,7	135.137,2	206.794,7
3. Dịch vụ	3.559,9	4.125,0	5.700,1	6.996,5	8.292,0	10.391,3
Tổng cộng	197.700,7	236.750,4	377.238,6	430.221,6	540.162,8	779.288,8

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2009, 2010, 2011-NXB Thống kê

Tổng diện tích gieo cấy lúa năm 2011 đạt 7651,4 nghìn ha, tăng 162 nghìn ha so với năm 2010 nhưng sản lượng lúa tăng hơn 2,3 triệu tấn, đảm bảo an ninh lương thực trong nước và xuất khẩu trên 7 triệu tấn gạo. Tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi theo giá thực tế tăng 71.657,5 tỷ đồng so với năm 2010 đạt mức tăng 53%. Tổng sản lượng thủy sản cả năm 2011 đạt gần 5432,9 nghìn tấn, tăng 5,34% so với năm 2010, vượt 30% so với mục tiêu kế hoạch 5 năm đề ra. Độ che phủ rừng qua điều tra cho thấy đã tăng từ 37,1% vào năm 2005 lên 39,1% năm 2009 và đạt 39,5% năm 2010. Trong giai đoạn 2006 - 2011 đã trồng 1.290,2 nghìn ha rừng, vượt gần 10% so với kế hoạch...

Tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2011 đạt gần 25 tỷ USD, tăng 29% (tăng trên 5 tỷ USD) so với năm 2010 (vượt xa mục tiêu do Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 đề ra cho giai đoạn 2011- 2015 tăng trưởng bình quân 12%/năm). Trong đó có một số mặt hàng nông, lâm, sản chủ lực có mức tăng cao như thủy sản 6,1 tỷ USD (tăng 21,7%); cao su 3,2

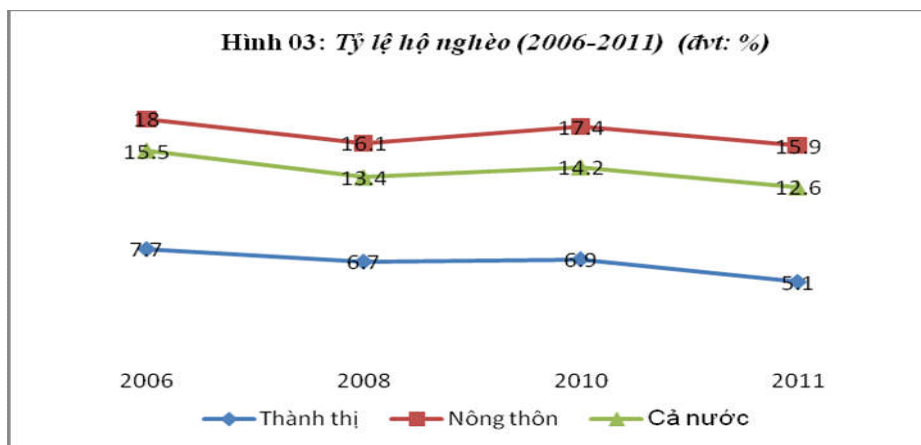
tỷ USD (tăng 35%), cà phê 2,7 tỷ USD (tăng 48,1%). Thặng dư thương mại toàn ngành đạt trên 9,2 tỷ USD, góp phần giảm nhập siêu của cả nước. Ngoài ra trong 6 tháng đầu năm 2012 thì các mặt hàng thủy sản, cà phê, gạo và cao su đều đã đạt tổng kim ngạch xuất khẩu trên 1,5 tỷ USD.

Bên cạnh đó hạ tầng nông thôn không ngừng được cải thiện nhờ có những chính sách tài chính phù hợp hỗ trợ kịp thời vốn cho các dự án giao thông, thủy lợi, điện, viễn thông...Cụ thể, hệ thống thủy lợi với nhiều công trình quan trọng được đầu tư, năm 2011 đã xây dựng được 16 nghìn trạm bơm nước phục vụ sản xuất nông lâm thủy sản trên địa bàn xã, tăng 81% so với năm 2001, 40 nghìn km hệ thống kênh mương do xã/HTX quản lý (23,2% tổng chiều dài kênh mương được kiên cố hóa), 73,6% số xã có hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh; Hệ thống giao thông nông thôn đã phát triển về số lượng và nâng cấp về chất lượng, góp phần tích cực tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư về khu vực nông thôn, tạo công ăn, việc

làm, xoá đói, giảm nghèo và giải quyết được nhiều vấn đề kinh tế - xã hội khác: năm 2011 cả nước có 6,1 nghìn xã có đường trục thôn được nhựa, bê tông hóa, đạt tỷ lệ 67,7%; Hệ thống y tế ở nông thôn cũng được quan tâm đầu tư mở rộng và nâng cấp về chất lượng: năm 2011 có 40% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã có 99,5 xã có trạm y tế 94,2% số thôn có cán bộ y tế thôn (năm 2006 có 89,2%).

Sự phát triển ổn định của ngành nông, lâm, thủy sản cùng với chính sách xoá đói, giảm nghèo được triển khai thực hiện nên đời sống nhân dân nói chung và cư dân nông thôn ngày càng được cải thiện, thu nhập ngày càng cao.

Kết quả từ cuộc Điều tra mức sống hộ gia đình mới nhất năm 2010 cho thấy, thu nhập bình quân đầu người của cư dân nông thôn là 1.070,5 nghìn đồng. Tỷ lệ nghèo ở khu vực nông thôn năm 2011 là 15,9% đã giảm 1,5 điểm phần trăm so với năm 2010 là 17,4%. Điều này đã tạo điều kiện cho cư dân nông thôn tăng thêm tích lũy. Vốn tích lũy bình quân 1 hộ nông thôn năm 2011 khoảng 17,4 triệu đồng, gấp 2,6 lần so với 2006. Nếu loại trừ yếu tố trượt giá thì vốn tích lũy bình quân 1 hộ nông thôn năm 2011 tăng khoảng 41% so với năm 2006 – cao hơn so với mức tăng trưởng kinh tế nước ta trong thời kỳ 2006-2011 (gần 40%).



Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011-NXB Thống kê

Chương trình xây dựng nông thôn mới đã được triển khai và đã có nhiều kết quả tích cực, tất cả 63 tỉnh, thành phố đều đã hoàn thành việc đánh giá sơ bộ thực trạng nông thôn mới theo 19 tiêu chí, đến hết năm 2011 có khoảng 52% số xã đang tiến hành lập đề án xây dựng nông thôn mới.

Chương trình bảo hiểm nông nghiệp sau gần 2 năm thực hiện đã triển khai ở tất cả 20 tỉnh, thành phố với 98.294 hộ dân đã tham gia ký hợp đồng bảo hiểm (trong đó 88% hộ nghèo) với giá trị bảo hiểm cây trồng, vật nuôi là 959,4 tỷ đồng, phí bảo hiểm là 48,7 tỷ đồng.

3. Những tồn tại và hạn chế của chính sách tài chính đối với sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn và nông dân

Tuy đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể như trên nhưng quá trình phát triển của nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở nước ta vẫn còn nhiều vấn đề cần khắc phục. Cụ thể là, nông nghiệp mặc dù đã có sự tăng trưởng liên tục và tăng với tốc độ khá cao trong thời gian qua nhưng nhìn chung đó vẫn chỉ là sự tăng trưởng nghiêng nhiều về số lượng hơn là chất lượng, nghiêng về chiều rộng hơn là chiều sâu. Do phát triển kém bền vững chủ yếu dựa trên khai thác tài nguyên và các đầu vào giá rẻ, nông nghiệp Việt Nam không thể tiếp tục duy

trì vai trò nền tảng cho tăng trưởng kinh tế cũng như là bệ đỡ cho đời sống của người dân nông thôn, đặc biệt là các nhóm nghèo. Sức cạnh tranh một số lĩnh vực còn thấp, tỷ lệ hàng hóa tiêu dùng dưới dạng thô còn cao nên giá trị gia tăng thấp. Công tác quản lý chất lượng vật tư đầu vào cho sản xuất về vệ sinh an toàn thực phẩm đang còn nhiều bất cập. Nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội còn yếu kém, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, môi trường sống ở nông thôn ngày càng bị ô nhiễm. Đời sống của một bộ phận nông dân còn nhiều khó khăn, khả năng tái nghèo cao, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi...

Một trong những nguyên nhân là do chính sách tài chính đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển của "tam nông" còn một số tồn tại là:

- Nguồn lực đầu tư cho "tam nông" còn hạn chế, hiện mới đáp ứng 55%-60% nhu cầu. Nguồn vốn ngân sách nhà nước dành cho nông nghiệp có tăng về mặt số lượng nhưng không đáng kể và tỷ trọng đầu tư ngày càng có xu hướng giảm dần. Năm 2000 tỷ lệ đầu tư trong nông nghiệp là 12%; năm 2010 tỷ lệ này chỉ còn là 8%. Theo số liệu của Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến tháng 6/2012, lũy kế các dự án đầu tư FDI vào lĩnh vực nông nghiệp vừa tròn 500 dự án trong tổng số gần 14.000 dự án FDI (chiếm 3,6% tổng số dự án) với tổng số vốn đầu tư gần 3,3 tỷ USD (chiếm 16% tổng vốn đầu tư đăng ký). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nhà đầu tư nước ngoài chưa thực sự quan tâm đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tỷ trọng FDI trong lĩnh vực nông nghiệp liên tục giảm sút. Nếu như năm 2001 tỷ trọng vốn FDI trong lĩnh vực nông nghiệp còn chiếm khoảng 8% tổng vốn đăng ký đầu tư thì những năm tiếp theo, tỷ lệ này liên tục giảm: đến năm 2006 còn 6%, năm 2007 tiếp tục giảm còn 5,2% và đến năm 2008 giảm mạnh còn 3,3%, sau đó còn 1% vào năm 2009 và năm 2010. Nguồn vốn ODA ký kết giai đoạn 2006 -2010 trong nông nghiệp, nông thôn chỉ chiếm 16,21% tổng vốn ODA vào Việt Nam (3,34 tỷ USD) - thấp hơn so với mục tiêu đặt ra là 21%. Về giải ngân vốn ODA giai đoạn 2006 -2010 đạt 2,65 tỷ USD, chiếm 21,76% vốn giải ngân ODA cho toàn bộ ngành kinh tế.

- Bên cạnh những thành công không thể phủ nhận của chính sách thuế đối với "Tam nông" thì vẫn tồn tại một số bất cập như sau:

Chính sách miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp là chính sách tích cực góp phần khuyến khích người dân đầu tư vào nông nghiệp và nâng cao thu nhập của nông dân. Theo số liệu thống kê, trung bình mỗi năm Nhà nước đã miễn giảm cho trên 11,2 triệu hộ nông dân với tổng số thuế miễn, giảm 1,85 triệu tấn quy thóc, thành tiền là 2.837 tỷ đồng (tính bình quân theo giá thực tế). Tuy nhiên, Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách miễn, giảm thuế chưa gắn được trách nhiệm của nông dân với quy hoạch và trách nhiệm với xã hội về chất lượng nông, lâm, thủy sản, dẫn đến phổ biến tình trạng lúc thừa, lúc thiếu, dư lượng chất độc hại trong nông sản lớn, ảnh hưởng đến kinh tế và sức khỏe của toàn dân.

Cùng với một số sự bất hợp lý của một số chính sách khác, chính sách thuế đối với khu công nghiệp đã góp phần thúc đẩy sự phát triển quá nóng và bất hợp lý của khu vực này. Diện tích các khu công nghiệp được mở rộng nhanh nhưng tỷ lệ diện tích bỏ hoang không nhỏ, diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp, người nông dân mất đất, mất việc làm, đời sống khó khăn.

Mặc dù chính sách thuế và chính sách khác đã thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn nhưng thiếu định hướng, thiếu tính nhất quán do chưa có sự gắn kết giữa chính sách thuế với các chính sách kinh tế khác. Điều này dẫn đến sản xuất hàng hóa nông nghiệp ở các địa phương vẫn còn tự phát, manh mún và thiếu tính chiến lược.

- Chính sách miễn, giảm thủy lợi phí với mục tiêu nhằm giúp nông dân giảm chi phí sản xuất. Theo số liệu thống kê, bình quân mỗi năm Nhà nước đầu tư miễn giảm khoảng trên 3.000 tỷ đồng và các tỉnh tự cân đối kinh phí đầu tư khoảng 3.400 tỷ đồng. Tuy nhiên, chính sách này đã không thực sự hiệu quả do còn thiếu chế tài trong quản lý nên đã tạo ra tâm lý ỷ lại trong nông dân, không tiết kiệm, chưa phù hợp với nhu cầu nước của cây trồng.

- Chính sách cho vay tín dụng thương mại đối với nông nghiệp được quy định trong Nghị định 41 là một "cứu cánh" cho người dân nhưng trên thực tế khả năng tiếp cận nguồn

vốn theo Nghị định của người dân vẫn còn nhiều khó khăn. Quy định đối tượng muốn vay vốn ngân hàng phải chứng minh năng lực tài chính, phải có hiệu quả sản xuất năm sau cao hơn năm trước; hoặc theo Nghị định thì nông dân vay vốn không phải thế chấp tài sản nhưng lại phải nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng đã gây khó khăn không nhỏ cho nông dân vì phần đa ruộng đất của nông dân đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Nghị định thì người dân có thể xin xác nhận của Chính quyền địa phương nhưng trên thực tế vẫn không được các ngân hàng chấp nhận. Ngoài ra, Nghị định còn quy định tổ chức tín dụng được khoan nợ cho người vay trong trường hợp có thiên tai, dịch bệnh trên diện rộng là chưa thực sự phù hợp với thực tế vì cần phải căn cứ vào mức độ thiệt hại của từng đối tượng vay cụ thể để thực hiện khoan nợ, quy định như trên sẽ mang tính chất cào bằng, ưu đãi không đúng đối tượng.

- Chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn mua máy móc thiết bị theo Quyết định 497/QĐ-TTg đã được các cấp, các ngành, các địa phương trong nước đồng loạt triển khai trong thời gian qua. Chính sách này bước đầu góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Thế nhưng, do thủ tục vay vốn ở một số địa phương còn quá rườm rà. Cụ thể, phía ngân hàng yêu cầu người dân muốn vay vốn phải thế chấp "sổ đỏ" và các giấy tờ có giá cũng như phương án kinh doanh mới giải quyết cho vay vốn. Yêu cầu của ngân hàng tuy rất đúng với quy định của pháp luật, nhưng lại thoát li khỏi cuộc sống, khiến không ít người nông dân mặc dù rất cần vay vốn để phát triển sản xuất, nhưng không có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay. Bên cạnh đó, nhiều máy móc sản xuất trong nước đưa về có giá cả cao hơn, chất lượng, tính năng không bằng máy móc do Trung Quốc sản xuất lại không phù hợp với tình hình địa phương, nên sức mua của người dân không có, dẫn đến việc giải ngân chậm...

- Chính sách tín dụng đối với người nghèo phần nào đã phát huy tác dụng trong việc thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo đặc biệt là đời sống của cư dân nghèo nông thôn đã được cải thiện. Song, do người dân vẫn còn có tư tưởng chống trở ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của nhà nước cho xóa đói giảm nghèo nên chưa

thực sự cố gắng để thoát nghèo, cá biệt có nơi nông dân còn phân đấu để mang danh hiệu "hộ nghèo". Kết quả từ cuộc điều tra mức sống gia đình mới nhất năm 2010 cho thấy khoảng cách thu nhập giữa thành thị - nông thôn vẫn ở mức trên 2 lần và điểm đáng chú ý là tốc độ giảm nghèo đang có xu hướng chậm lại đặc biệt là ở khu vực nông thôn (hình 03).

4. Giải pháp tài chính thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân

Để khắc phục những hạn chế của những chính sách tài chính hiện tại và định hướng một số chính sách tài chính nhằm phát triển "tam nông" trong tình hình mới, các giải pháp được đưa ra như sau:

- Trong thời gian tới, theo chiến lược cải cách thuế, sẽ tiếp tục sửa đổi, bổ sung một số sắc thuế hiện hành, tiếp tục duy trì các ưu đãi thuế đối với nông nghiệp và nông thôn; cần chất lọc lại chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao. Cần ưu đãi nhiều hơn cho các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ cao, đầu tư vào lĩnh vực phát huy được lợi thế so sánh của nền nông nghiệp nhiệt đới. Cần có chính sách thuế phù hợp để khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất các yếu tố đầu vào cho nền nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường, các doanh nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản, hạn chế các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng. Cần có chính sách thuế ưu đãi phù hợp và có hệ thống đề cùng với các chính sách kinh tế khác hình thành và phát triển các vùng chuyên canh nông nghiệp theo đúng định hướng và quy hoạch phát triển của Nhà nước.

- Tăng cường nguồn vốn NSNN, vốn TPCP và có chính sách phù hợp nhằm thu hút tối đa nguồn vốn ODA và FDI đầu tư phát triển "tam nông": ưu tiên bố trí thông qua các chương trình mục tiêu, chương trình trọng điểm về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Kịp thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung bất cập của Nghị định số 41/NĐ - CP ngày 12/4/2010, Nghị định số 78/2002/NĐ -CP ngày 4/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác như cần có sự thu hẹp khoảng cách về mức hỗ trợ đối với hộ nghèo và hộ có thu nhập trung bình để khuyến khích người dân phấn đấu thoát khỏi "ngưỡng

nghèo", Nghị định số 61/2010/NĐ - CP ngày 04/6/2010 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn để tạo tính thống nhất, minh bạch, thuận tiện, hiệu quả với sự nghiệp phát triển "tam nông" trong thời gian tới.

- Cần khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật và đặc biệt là các chính sách tài chính liên quan đến khu vực "tam nông", cụ thể là: đổi mới, phân cấp quản lý đầu tư công; chính sách phát triển thị trường, chính sách tăng cường đầu tư cho khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp; chính sách hướng nghiệp nhằm nâng cao trình độ, tay nghề cho lao động nông thôn; chính sách đặc thù phù hợp phát triển vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số; chính sách huy động nhiều nguồn lực khác nhau từ các thành phần kinh tế, từ nhân dân cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

IV. KẾT LUẬN

Hệ thống các chính sách tài chính cùng với

các chính sách khác của Nhà nước đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân đã được Đảng và Nhà nước ta triển khai thực hiện đồng bộ trên cả nước thời gian qua đã đóng vai trò vô cùng quan trọng thúc đẩy sự phát triển khu vực này góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp phát triển vào năm 2020. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện một số chính sách còn tồn tại nhiều bất cập, chưa thực sự phù hợp với thực tiễn và gây khó khăn trong công tác thực thi. Vì vậy, để các chính sách của Đảng, Nhà nước trong đó có chính sách tài chính đi vào cuộc sống và phát huy được hiệu quả đối với sự phát triển của "tam nông" như mong muốn thì cần thiết phải có sự đánh giá hiệu quả của từng chính sách cũng như tác động tổng thể của các chính sách đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của khu vực này để sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện kịp thời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ nông nghiệp & phát triển nông thôn (2012): Báo cáo đánh giá tổng quan về thực trạng nông thôn, nông nghiệp từ kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011,
2. Bộ nông nghiệp & phát triển nông: Cổng thông tin điện tử <www.agroviet.gov.vn>
3. Chính phủ: Cổng thông tin điện tử <http://www.chinhphu.vn>>
4. Chính phủ: Nghị định 129/2003/NĐ-CP ngày 03/11/2003; Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010, Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010; Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002
5. Võ Thị Hồng Hạnh, Đặng Văn Thắng (2012) "Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp", *Tạp chí kinh tế phát triển* số 182
6. Lê Xuân Trường (2012) "Chính sách thuế với tam nông: cơ sở lý luận và thực tiễn Việt Nam", *tạp chí Tài chính*, số 8 (574) 2012
7. Tổng cục thống kê Việt Nam: Cổng thông tin điện tử <<http://www.gso.gov.vn>>

THE FINANCIAL POLICIES IN PROMOTING THE AGRICULTURE, FARMERS AND RURAL AREAS OF VIETNAM: THE SITUATION AND SOME SOLUTIONS

Dao Lan Phuong

SUMMARY

Agriculture and rural areas play a very important role for the development of Vietnam which now has 60% of the population working in agriculture, 70% of the population living in rural areas. Therefore, solving problems of agriculture, farmers and rural areas known as Tam Nong, and implementing the New Rural Development policy is the task of the whole political system of the entire Party and people, requiring synchronization using various policies and measures related to many branches, many regions, in which financial issues for the "Tam Nong" plays a critical position. Fiscal policy plays a vital role in promoting the development of "Tam Nong", including tax policies, credit policies, insurance and financial supports ... These policies have a close relationship, an unity and mutual interaction in order to promote the "Tam Nong". The author has researched throughout some important financial policies implemented in Vietnam to evaluate the situation, thereby suggest some solutions to improve typical financial policies for " Tam Nong".

Keywords: *Agriculture, Farmers, Financial Policy, Rural Areas*

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn